

Số: 630/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Căn cứ Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020;

Căn cứ Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 22/TTr-BLĐTBXH ngày 29 tháng 3 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020” với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ THỜI KỲ 2011 - 2020

1. Phát triển dạy nghề là sự nghiệp và trách nhiệm của toàn xã hội; là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, đòi hỏi phải có sự tham gia của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dạy nghề, cơ sở sử dụng lao động và người lao động để thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động.

2. Thực hiện đổi mới cơ bản, mạnh mẽ quản lý nhà nước về dạy nghề, nhằm tạo động lực phát triển dạy nghề theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

3. Nâng cao chất lượng và phát triển quy mô dạy nghề là một quá trình, vừa phổ cập nghề cho người lao động, đồng thời phải đáp ứng nhu cầu của các ngành, nghề sử dụng nhân lực có tay nghề cao trong nước và xuất khẩu lao động.

4. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển dạy nghề, tập trung xây dựng các trường nghề chất lượng cao, trong đó ưu tiên các trường đạt đẳng cấp quốc tế; các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ THỜI KỲ 2011 - 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2020, dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và trên thế giới; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện đào tạo nghề để nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%, tương đương 23,5 triệu vào năm 2015 (trong đó trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề chiếm tỷ lệ là 20%) và 55% vào năm 2020, tương đương 34,4 triệu người (trong đó trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề chiếm tỷ lệ là 23%).

- Giai đoạn 2011 - 2015 đào tạo mới trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề khoảng 2,1 triệu người, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng khoảng 7,5 triệu người, trong đó có 4,7 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề theo “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (Đề án 1956).

- Giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo mới trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề khoảng 2,9 triệu người (trong đó 10% đạt cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế), sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng khoảng 10 triệu người, trong đó có 5,5 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề theo Đề án 1956.

- Đến năm 2015 có khoảng: 190 trường cao đẳng nghề (60 trường ngoài công lập, chiếm 31,5%), trong đó có 26 trường chất lượng cao; 300 trường trung cấp nghề (100 trường ngoài công lập, chiếm 33%) và 920 trung tâm dạy nghề (320 trung tâm ngoài công lập, chiếm 34,8%). Mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 1 trường cao đẳng nghề và 1 trung tâm dạy nghề kiểu mẫu; mỗi quận/huyện/thị xã có 1 trung tâm dạy nghề hoặc trường trung cấp nghề. Đến năm 2020 có khoảng: 230 trường cao đẳng nghề (80 trường ngoài

công lập, chiếm 34,8%), trong đó có 40 trường chất lượng cao; 310 trường trung cấp nghề (120 trường ngoài công lập, chiếm 38,8%) và 1.050 trung tâm dạy nghề (350 trung tâm ngoài công lập, chiếm 33,3%), trong đó có 150 trung tâm dạy nghề kiểu mẫu.

- Đến năm 2015 có 51.000 giáo viên dạy nghề (trong đó có khoảng 17.000 người dạy trong các cơ sở dạy nghề ngoài công lập), trong đó dạy cao đẳng nghề 13.000 người, trung cấp nghề 24.000 người, dạy sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng (không bao gồm người dạy nghề) là 14.000 người. Đến năm 2020 có 77.000 giáo viên dạy nghề (trong đó có khoảng 25.000 người dạy trong các cơ sở dạy nghề ngoài công lập), trong đó dạy cao đẳng nghề 28.000 người, trung cấp nghề 31.000 người, dạy sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng (không bao gồm người dạy nghề) là 18.000 người.

- Đến năm 2015 ban hành 130 chương trình, giáo trình cho các nghề trọng điểm quốc gia; sử dụng 49 chương trình, giáo trình cấp độ khu vực và 26 chương trình, giáo trình quốc tế; xây dựng 300 chương trình, giáo trình sơ cấp nghề và dưới 3 tháng để dạy nghề cho lao động nông thôn. Đến năm 2020 bổ sung, chỉnh sửa và ban hành 150 chương trình, giáo trình trọng điểm quốc gia; sử dụng 70 chương trình, giáo trình cấp độ khu vực và 35 chương trình, giáo trình quốc tế; xây dựng 200 chương trình, giáo trình sơ cấp nghề và dưới 3 tháng để dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, nghề cấp khu vực, quốc tế; các trường chất lượng cao, trung tâm dạy nghề kiểu mẫu được kiểm định chất lượng. Hình thành 3 trung tâm kiểm định chất lượng dạy nghề vùng ở 3 vùng và một số trung tâm kiểm định chất lượng dạy nghề do tổ chức và cá nhân thành lập.

- Xây dựng khung trình độ nghề quốc gia; đến năm 2015 ban hành 250 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, trong đó có 130 bộ tiêu chuẩn cho các nghề trọng điểm quốc gia. Đến năm 2020 ban hành 400 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, trong đó có 150 bộ tiêu chuẩn cho các nghề trọng điểm quốc gia. Giai đoạn 2011 - 2015 đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho khoảng 2 triệu người và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 6 triệu người.

- Hoàn thiện hệ thống thị trường lao động, gắn kết giữa dạy nghề và việc làm.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, cần thực hiện đồng bộ 9 giải pháp, trong đó giải pháp (1) “Đổi mới quản lý nhà nước về dạy nghề” và giải pháp (2) “Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề” là hai giải pháp đột phá; giải pháp (3) “Xây dựng khung trình độ nghề quốc gia” là giải pháp trọng tâm.

1. Đổi mới quản lý nhà nước về dạy nghề

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về dạy nghề. Sửa Luật dạy nghề và các quy định liên quan đến dạy nghề trong các Bộ luật, Luật.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về dạy nghề, học nghề:

+ Có chính sách đãi ngộ, thu hút giáo viên dạy nghề.

+ Đổi mới chính sách tài chính về dạy nghề: Có chính sách thu học phí phân biệt theo nghề và trình độ đào tạo; thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo cho các cơ sở dạy nghề, không phân biệt hình thức sở hữu. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho những cơ sở dạy nghề trọng điểm, nghề trọng điểm (đầu tư đồng bộ), các vùng khó khăn, vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý; phát triển chương trình; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách, nhóm yếu thế trong xã hội và phổ cập nghề cho người lao động. Có cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển dạy nghề.

+ Chính sách đào tạo ngoại ngữ phù hợp trình độ nghề đào tạo.

+ Chính sách đối với người lao động qua đào tạo nghề; chính sách đào tạo liên thông, hỗ trợ người học nghề (ưu tiên đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và những người thuộc nhóm “yếu thế” khác); chính sách đối với một số nghề đặc thù, nghề xã hội có nhu cầu nhưng khó thu hút học sinh vào học nghề.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về dạy nghề theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân. Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề các cấp. Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương có trách nhiệm xây dựng cơ chế, chính sách phát triển dạy nghề; xây dựng các chuẩn và hướng dẫn các cơ sở dạy nghề thực hiện đào tạo theo chuẩn. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong dạy và học nghề.

- Có cơ chế để cơ sở dạy nghề là một chủ thể độc lập, tự chủ; người đứng đầu cơ sở dạy nghề phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải được đào tạo về quản lý dạy nghề.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy nghề và quản lý dạy nghề; xây dựng cơ sở dữ liệu về dạy nghề.

- Thực hiện liên thông trong đào tạo và phân luồng mạnh mẽ vào dạy nghề. Nhà nước quy định tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề.

- Hình thành Quỹ hỗ trợ học nghề theo quy định của Luật dạy nghề theo hướng xã hội hoá với vốn ban đầu từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn khác để phát triển dạy nghề.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề tới nghề đào tạo, theo vùng, địa phương; chú trọng phân bố các trường chất lượng cao ở các vùng kinh tế động lực, hình thành các trung tâm đào tạo nghề ở các vùng; ưu tiên thành lập mới cơ sở dạy nghề ngoài công lập; khuyến khích hợp tác và thành lập các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài. Có các cơ sở dạy nghề chuyên biệt đối với người khuyết tật, dạy nghề đối với người dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng nguồn lực cho phát triển dạy nghề bao gồm, nhà nước, doanh nghiệp, người học, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là quan trọng; nâng tỷ lệ chi cho dạy nghề trong tổng chi từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo lên 12% - 13%. Nhà nước có chính sách hỗ trợ về vốn, đất đai, thuế đối với các cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề

- Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia về trình độ đào tạo, kỹ năng và sự phạm nghề. 100% số giáo viên này phải đạt chuẩn vào năm 2014.

- Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ khu vực và quốc tế về kỹ năng nghề và năng lực sự phạm của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và các nước phát triển trên thế giới. 100% số giáo viên này phải đạt chuẩn của các nước tương ứng vào năm 2014.

- Nhà nước bảo đảm việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề (trong và ngoài nước) theo hướng chuẩn hoá, đủ về số lượng; có cơ cấu hợp lý theo nghề và trình độ đào tạo. Huy động các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề: Đổi mới hoạt động của các trường sự phạm kỹ thuật; thành lập các khoa sự phạm dạy nghề tại các trường cao đẳng nghề để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm dạy nghề và nâng cao kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý dạy nghề; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề có tính chuyên nghiệp.

- Hình thành Học viện dạy nghề với chức năng đào tạo, bồi dưỡng công nghệ mới; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; nghiên cứu khoa học dạy nghề, trên cơ sở sáp nhập, nâng cấp Viện nghiên cứu khoa học dạy nghề và một cơ sở đào tạo nghề.

3. Xây dựng khung trình độ nghề quốc gia

- Xây dựng khung trình độ nghề quốc gia tương thích với khung trình độ giáo dục quốc gia.
- Hoàn thiện khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia.
- Ban hành các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề phổ biến.
- Tiếp nhận, chuyển giao các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề của các nghề được đầu tư trọng điểm ở các cấp độ khu vực và quốc tế.
- Xây dựng khung chương trình đào tạo.

4. Phát triển chương trình, giáo trình

- Đối với các nghề trọng điểm quốc gia, xây dựng và ban hành chương trình, giáo trình dạy nghề trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.
- Đối với các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và sử dụng chương trình, giáo trình dạy nghề của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và quốc tế phù hợp với thị trường lao động Việt Nam.
- Chương trình, giáo trình của các nghề khác do cơ sở dạy nghề xây dựng, trên cơ sở khung chương trình hoặc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.
- Chương trình, giáo trình dạy nghề cho lao động nông thôn: Hướng dẫn các cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề; xây dựng chương trình, giáo trình kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn học nghề.

5. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề

- Đối với các nghề trọng điểm quốc gia, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề.
- Đối với các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và quốc tế.
- Đối với các nghề không thuộc danh mục các nghề trọng điểm, quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu.
- Các cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề tối thiểu cho các nghề đào tạo.
- Xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp và bộ học liệu để đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

6. Kiểm soát, đảm bảo chất lượng dạy nghề

a) Kiểm định chất lượng dạy nghề

- Nhà nước quản lý chất lượng dạy nghề chung toàn quốc; các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị chủ quản, cơ sở dạy nghề có trách nhiệm đảm bảo chất lượng dạy nghề trong phạm vi quản lý.

- Thực hiện kiểm định cơ sở dạy nghề và kiểm định chương trình. Các cơ sở dạy nghề chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng dạy nghề; đảm bảo chuẩn hoá “đầu vào”, “đầu ra”; tự kiểm định chất lượng dạy nghề và chịu sự đánh giá định kỳ của các cơ quan kiểm định chất lượng dạy nghề.

- Thành lập Cục kiểm định chất lượng dạy nghề thực hiện chức năng quản lý đảm bảo chất lượng dạy nghề; xây dựng 03 trung tâm kiểm định chất lượng dạy nghề vùng ở 3 vùng; phát triển một số trung tâm kiểm định chất lượng dạy nghề do tổ chức và cá nhân thành lập.

b) Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

- Phát triển các trung tâm đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động gắn với đầu tư xây dựng các nghề trọng điểm ở các cơ sở dạy nghề, ở một số doanh nghiệp và một số cơ sở khác.

- Thành lập Cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong việc đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động, xây dựng một số trung tâm đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề.

- Xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động.

7. Gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp

- Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa dạy nghề với thị trường lao động ở các cấp (cả nước, vùng, tỉnh, huyện, xã) để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống dạy nghề hướng vào việc đáp ứng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm chính trong việc đào tạo nghề cho doanh nghiệp của mình (tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho lao động của doanh nghiệp; phối hợp với cơ sở dạy nghề để cùng đào tạo, đặt hàng đào tạo); có trách nhiệm đóng góp vào quỹ hỗ trợ học nghề; đồng thời trực tiếp tham gia vào các hoạt động đào tạo nghề (xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề, xác định danh mục nghề, xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập của học sinh học nghề...).

- Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhu cầu việc làm (số lượng cần tuyển dụng theo nghề và trình độ đào tạo, yêu cầu về thể lực, năng lực khác...) và các chế độ cho người lao động (tiền lương, môi trường và điều kiện làm việc, phúc lợi...) cho các cơ sở dạy nghề; đồng thời thường xuyên có thông tin phản hồi cho cơ sở dạy nghề mức độ hài lòng đối với “sản phẩm” đào tạo của cơ sở dạy nghề.

- Cơ sở dạy nghề tổ chức theo dõi, thu thập thông tin về học sinh học nghề sau khi tốt nghiệp.

- Cơ sở dạy nghề có trách nhiệm tiếp nhận các thông tin từ phía doanh nghiệp và thay đổi để thích ứng với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết đào tạo và sử dụng lao động.

8. Nâng cao nhận thức về phát triển dạy nghề

- Chính quyền các cấp phải quán triệt tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng XI về vai trò, vị trí của dạy nghề trong phát triển nguồn nhân lực và trong chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước thời kỳ 2011 - 2020 để chỉ đạo xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực của Bộ, ngành địa phương và tổ chức thực hiện.

- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội nghề nghiệp quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020 và tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp đoàn viên, hội viên của tổ chức mình thực hiện, đồng thời góp phần làm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề.

- Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp trong nhà trường; hình thành các bộ phận chuyên trách làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho người học nghề.

9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề

- Tăng cường hợp tác quốc tế về dạy nghề, lựa chọn các đối tác chiến lược trong lĩnh vực dạy nghề là những nước thành công trong phát triển dạy nghề trong khu vực ASEAN và châu Á (như Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản...), EU (như Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh,...) và Bắc Mỹ.

- Hợp tác với các nước ASEAN để tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa các nước, hướng tới Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học về dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ dạy nghề tiên tiến để nâng cao chất lượng dạy nghề. Tích cực tham gia các hoạt động quốc tế về dạy nghề.

- Khuyến khích các cơ sở dạy nghề trong nước mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

- Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài phát triển cơ sở dạy nghề chất lượng cao, hợp tác đào tạo nghề tại Việt nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược

1. Chiến lược này là định hướng, làm cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch, chương trình và đề án phát triển dạy nghề của các Bộ, ngành và các địa phương.

2. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chiến lược này tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án phát triển dạy nghề thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương; lồng ghép các mục tiêu, quan điểm và giải pháp phát triển của Chiến lược vào quy hoạch, chương trình và đề án phát triển dạy nghề, cụ thể hóa Chiến lược vào các kế hoạch 5 năm và hàng năm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương với các mục tiêu và giải pháp bám sát nội dung của Chiến lược này.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cụ thể hoá thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, chương trình mục tiêu về dạy nghề trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện; xây dựng khung trình độ nghề quốc gia, các chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020 (chú trọng các cơ sở dạy nghề cho người dân tộc thiểu số và người khuyết tật; các nghề trọng điểm); tổ chức thực hiện đề án xây dựng 40 trường nghề chất lượng cao.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chiến lược.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện đào tạo liên thông và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở vào học nghề.

- Trong quá trình thực hiện Chiến lược, nếu phát sinh những vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Giám sát việc triển khai Chiến lược trong phạm vi cả nước, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương định kỳ đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Các Bộ ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện có hiệu quả các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược có liên quan đến Bộ, ngành, địa phương mình.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan huy động và cân đối các nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển dạy nghề, xác định các dự án kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho phát triển dạy nghề. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức dự báo nhân lực quốc gia.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành hàng năm bố trí kinh phí cho phát triển dạy nghề theo quy định của Luật ngân sách và các nguồn vốn tài trợ khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, hoàn thiện chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ và chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với giảng viên, giáo viên dạy nghề.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng các chính sách hướng nghiệp trong các trường phổ thông, thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; xây dựng cơ chế liên thông giữa dạy nghề với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quyền hạn và trách nhiệm được giao chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện các nội dung của Chiến lược; lồng ghép các nội dung trên vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). N

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**(Đã ký)
Nguyễn Thiện Nhân**